

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 486/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1987 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 07, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/11/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:

Bà với ông T chung sống với nhau vào năm 2004, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống bên gia đình cha mẹ ông T. Đến năm 2006 ông bà có nhà ra riêng cất trên đất của cha mẹ chồng, thời gian sau đó

ông bà đi Bình Dương để làm ăn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà chỉ êm ấm được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt gây nợ nần, không lo gì đến gia đình vợ con, ông T thường hay kiếm chuyện gây sự, mắng chửi nhục mạ bà, thậm chí xúc phạm đến người lớn và còn đánh đập bà nhiều lần... Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, giữa cả hai thường xuyên bất hòa, gia đình không còn hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2019 bà và ông T đã sống ly thân nhau đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 05/7/2006. Hiện nay cháu K, cháu T đang sống với bà tại Bình Dương. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 13/01/2021, bị đơn – Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông xác định về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà X trình bày là đúng.

- Về hôn nhân: Sau khi ông và bà X kết hôn, vợ chồng bà về sống bên gia đình ông, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông và bà X bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông về nhà cha mẹ ruột của ông ở quê sống và cả hai ly thân nhau đến nay được 1 năm.

Nay trước yêu cầu ly hôn của bà X thì ông không đồng ý ly hôn, ông muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Giữa ông và bà X có 02 con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 05/7/2006 hiện đang sống với mẹ là bà X. Trường hợp ông và bà X ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, bà X nuôi dưỡng 01 con chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: CMND; Hộ khẩu của bà X (Bản photo); Giấy chứng nhận ĐKKH (Bản sao); Bản tự khai; Giấy khai sinh cháu T và cháu K (bản sao); Phiếu gửi bưu điện ; Tờ ghi ý kiến của cháu T và cháu K.

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy CMND (Bản photo).

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông T; Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn T1 (cha ruột ông T) về tình trạng hôn nhân

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà X được ly hôn với ông T; Về con chung: Bà X được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn An K, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 05/7/2006, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà X và ông T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mỹ X có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn - Bà X vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/4/2021 phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn là ông T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà X và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Càn Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 336 ngày 11/12/2008 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Sau khi kết hôn năm 2004, bà X và ông T về sống chung bên gia đình của ông T. Theo bà X cuộc sống vợ chồng của ông bà chỉ êm ấm được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt gây nợ nần, không lo gì đến gia đình vợ con, ông T thường hay kiểm chuyện gây sự, mắng chửi nhục mạ bà, thậm chí xúc phạm đến người lớn và còn đánh đập bà nhiều lần. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, giữa cả hai thường xuyên bất hòa, gia đình không còn hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2019 bà và ông T đã sống ly thân nhau đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm với nhau. Nay bà X xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà kiên quyết ly hôn với ông T. Theo trình bày của ông T xác định giữa ông và bà X có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng về thời gian ly thân ông xác định ông bà ly thân từ tháng 9 năm 2020 khi ông từ Bình Dương bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà X ông không đồng ý ly hôn.

Theo Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông T ngày 17/3/2021 (Bút lục 11), ông Nguyễn Văn T1 là cha ruột của ông T xác định: Sau khi kết hôn khi vợ chồng ông T chung sống bên gia đình ông thì không có mâu thuẫn gì, sau đó khi bà X và ông T đi Bình Dương làm được vài năm thì ông không rõ mâu thuẫn như thế nào nhưng chỉ thấy có một mình ông T quay về quê sống từ đầu năm 2020, còn vợ và con của T vẫn ở Bình Dương. Theo ông giữa bà X và ông T không có khả năng đoàn tụ do bà X đã cắt đứt mọi liên lạc, không tạo điều kiện cho ông T hàn gắn.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà X và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù ông T không đồng ý ly hôn với bà X, tuy nhiên việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X, bà X được ly hôn với ông T.

2.2 Về con chung:

Giữa bà X và ông T có 02 con chung tên Nguyễn An K, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Thị Mỹ Tâm, sinh ngày 05/7/2006 hiện đang sống với bà X tại Bình Dương. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía ông T không đồng ý việc bà X được trực tiếp nuôi cả hai con chung, ông yêu cầu nếu giữa ông và bà X ly hôn thì ông yêu cầu mỗi bên nuôi 01 con chung. Xét thấy, từ khi bà X và ông T ly thân thì các con chung đã do bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mặt khác

theo trình bày tại Tờ ghi ý kiến của con ngày 26/01/2021 thì cháu K và cháu T đều có nguyện vọng được tiếp tục được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống của các con chung và có xem xét nguyện vọng của các cháu hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà X, giao 02 con chung là cháu K và cháu T cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà X phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà X và ông T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà X là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà X và ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 336 ngày 11/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn An K, sinh ngày 06/01/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 05/7/2006 cho bà Nguyễn Thị Mỹ X được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà X phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007424 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh